

CHÍNH PHỦ
Số: 104/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng, bao gồm: trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng; trình tự thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng; quyền và nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ và tác giả giống cây trồng; chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam;

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có địa chỉ thường trú hoặc có cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam;
3. Tổ chức, cá nhân là công dân các nước có ký kết với Việt Nam thoả thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;
4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không phải là công dân nước có ký kết thoả thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng với Việt Nam nhưng có địa chỉ thường trú hoặc có trụ sở đăng ký hợp pháp trên lãnh thổ của một nước có ký thoả thuận với Việt Nam về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Giống cây trồng*" trong Nghị định này gồm cây giống hoàn chỉnh, vật liệu nhân giống, vật liệu thu hoạch của các giống cây trồng thuộc loài cây nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sinh, các loài nấm mới được chọn tạo hoặc được phát hiện và phát triển từ một loài cây trồng thuộc Danh mục loài cây trồng được bảo hộ;
2. "*Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng*" là tổ chức, cá nhân được cấp bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;
3. "*Vật liệu nhân giống*" là các bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây hoàn chỉnh như: hạt giống, bào tử, thân, rễ, cây con, cành ghép, mắt ghép, cây ghép, sợi nấm, củ, quả, chồi, hoa, mô, tế bào hoặc các bộ phận khác của cây;
4. "*Vật liệu thu hoạch*" là cây hoàn chỉnh hoặc bất cứ bộ phận nào của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống của giống cây trồng;
5. "*Thẩm định hình thức*" là việc thẩm định tính đầy đủ, tính hợp lệ của đơn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;
6. "*Thẩm định nội dung*" là việc thẩm định tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và tên gọi của giống cây trồng;
7. "*Bản mô tả chi tiết của giống cây trồng*" là tài liệu thể hiện các tính trạng của giống cây trồng theo quy phạm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định và được xác nhận của cơ quan bảo hộ giống cây trồng. Bản mô tả chi tiết được coi

là đã công bố khi phát hành tới công chúng dưới các hình thức như: báo cáo khoa học, bản tin, báo, tạp chí hoặc các ấn phẩm khác;

8. "*Cơ quan bảo hộ giống cây trồng*" trong Nghị định này là Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

9. "*Đại diện hợp pháp*" của tổ chức, cá nhân nước ngoài đăng ký bảo hộ giống cây trồng tại Việt Nam là tổ chức, cá nhân bao gồm công dân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc có địa chỉ thường trú tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức, cá nhân sở hữu giống cây trồng đăng ký bảo hộ uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

10. "*Tác giả giống cây trồng*" là người trực tiếp thực hiện toàn bộ hoặc một phần công việc chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới;

11. "*Nước có ký thoả thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng với Việt Nam*" được hiểu là một quốc gia bất kỳ có ký thoả thuận song phương với Việt Nam hoặc các quốc gia thuộc tổ chức liên chính phủ trong trường hợp Việt Nam ký thoả thuận với tổ chức liên chính phủ về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi cả nước, có trách nhiệm:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

b) Cấp, thu hồi, đình chỉ, huỷ bỏ văn bằng bảo hộ giống cây trồng;

c) Ban hành danh mục loài cây trồng được bảo hộ; quy trình, quy phạm khảo nghiệm kỹ thuật giống cây trồng;

d) Quy định tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan bảo hộ giống cây trồng;

đ) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

e) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

g) Hợp tác quốc tế về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.
3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.
4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương.

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC

XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 6. Người đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Người đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Sở hữu trí tuệ.
2. Trường hợp giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ dự án do nhà nước quản lý thì tổ chức, cá nhân trực tiếp chọn tạo giống cây trồng đó thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 7. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ được lập thành 03 bộ, nộp tại cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

2. Đơn của tổ chức, cá nhân thuộc các nước có ký kết với Việt Nam về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại khoản 2 Điều 157 của Luật Sở hữu trí tuệ nhưng không có địa chỉ thường trú hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ phải có giấy tờ cần thiết đủ căn cứ xác nhận quốc tịch.

3. Trường hợp người nộp đơn không phải là công dân nước có thoả thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng với Việt Nam cần có tài liệu chứng minh có địa chỉ thường trú hoặc trụ sở đăng ký hợp pháp tại một nước có ký kết với Việt Nam về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 8. Yêu cầu đối với người nộp đơn đề nghị hưởng quyền ưu tiên

Đối với đơn có đủ điều kiện yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Sở hữu trí tuệ, để được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn phải thực hiện các thủ tục sau:

1. Đăng ký yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trong tờ khai đăng ký bảo hộ theo quy định;
2. Nộp lệ phí xét hưởng quyền ưu tiên theo quy định;
3. Trong vòng ba tháng, kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ, người nộp đơn phải cung cấp các tài liệu sau:

a) Bản sao có công chứng toàn bộ các tài liệu về đơn đầu tiên hoặc có xác nhận của cơ quan đã nhận đơn đăng ký bảo hộ trước đó;

b) Bảng chứng xác nhận giống cây trồng đăng ký ở hai đơn là một giống như: bản mô tả giống, ảnh chụp, các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 9. Nhận đơn đăng ký bảo hộ

1. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng nhận đơn theo một trong các hình thức sau:

- a) Nhận trực tiếp từ người nộp đơn hoặc đại diện hợp pháp của người nộp đơn;
- b) Nhận đơn qua bưu điện. Trường hợp người nộp đơn nộp đơn qua bưu điện, ngày nộp đơn được xác định là ngày đơn đến cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

2. Khi nhận đơn, cơ quan bảo hộ giống cây trồng phải đóng dấu xác nhận ngày đơn đến; ghi số đơn, vào sổ đăng ký tiếp nhận đơn; gửi 01 bộ cho người nộp đơn.

Điều 10. Thẩm định hình thức đơn